

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 02 – 2021

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Việt Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Văn Sua

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Út, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 585/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Tạ Quyền T1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Nhà không số, đường N13, Khu đô thị, ấp Bà Đ, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 25, đường số 18, Khu đô thị, ấp Bà Đ, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, chị T1 trình bày:*

Hôn nhân: Chị T1 và anh Phạm Văn T2 tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 06/01/2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2020 vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T2 không quan tâm chăm sóc vợ con, thực tế vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2020, vì vậy chị T1 yêu cầu ly hôn anh T2.

Con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Tổ T3, sinh ngày 23/5/2020 hiện tại đang sống với chị T1. Chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Tổ T3, yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 2.000.000 đồng đến khi Tổ T3 tròn 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Chị T1 xác định không có.

*Anh Phạm Văn T2 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đồng thời cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tô Quyền T1.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[2] Anh Phạm Văn T2 vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt anh Phạm Văn T2.

[3] Xét yêu cầu của chị T1 về việc được ly hôn với anh Phạm Văn T2, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Tô Quyền T1 với anh Phạm Văn T2 tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau vào ngày 06/01/2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau đúng quy định của pháp luật, vì vậy hôn nhân giữa chị T1 với anh T2 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo chị T1 xác định thời gian vợ chồng chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được, anh T2 không quan T3 gia đình, không chăm sóc vợ con, thực tế vợ chồng đã sống riêng từ tháng 12 năm 2020 nên chị T1 cương quyết ly hôn với anh T2. Quá trình giải quyết vụ án xét thấy anh T2 đều vắng mặt mà không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1, điều đó cho thấy anh T2 không mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị T1. Căn cứ vào lời trình bày của chị T1 thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T1 với anh T2 là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T1 về việc được ly hôn với anh T2.

[4] Xét yêu cầu của chị T1 về việc được tiếp tục nuôi con tên Phạm Tổ T3 và yêu cầu buộc anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống với nhau, chị T1 với anh T2 có 01 người con chung tên Phạm Tổ T3, sinh ngày 23/5/2020 hiện tại đang sống với chị T1. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Phạm Tổ T3 chưa tròn 36 tháng tuổi, ở độ tuổi của Tổ T3 cần phải có sự chăm sóc trực tiếp từ chị T1, do đó để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng Tổ T3 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao Tổ T3 cho chị T1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Căn cứ các nhu cầu thiết yếu cho việc nuôi dưỡng Tổ T3, buộc anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Tổ T3 hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi Phạm Tổ T3 tròn 18 tuổi.

Anh T2 không trực tiếp nuôi Tổ T3 nhưng có nghĩa vụ, quyền thăm nom con không ai được cản trở.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình chị Tô Quyền T1 phải chịu theo quy định. Án phí cấp dưỡng anh Phạm Văn T2 phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Quyền T1.

Hôn nhân: Chị Tạ Quyền T1 được ly hôn anh Phạm Văn T2.

Con chung: Giao Phạm Tố T3, sinh ngày 23/5/2020 hiện tại đang sống với chị Tạ Quyền T1 cho chị T1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Phạm Tố T3 hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi Phạm Tố T3 tròn 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

Anh Phạm Văn T2 có nghĩa vụ, quyền thăm nom Phạm Tố T3 không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Án phí Hôn nhân và gia đình: Chị Tạ Quyền T1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 02 tháng 11 năm 2020 chị T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0000134 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Án phí cấp dưỡng: Anh Phạm Văn T2 phải chịu 300.000 đồng.

Chị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T2 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T2 thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp.C;
- THADS Tp.C;
- UBND xã Viên An Đ, H. Ngọc H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Việt Trung**